

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cù Thị Chanh;

2. Ông Đoàn Thân.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 70/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 5, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn B, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn HV, xã HL, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Mai Thị H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Bùi Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa ngày 23/6/2016. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khi kết hôn đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và kinh tế nên thường xuyên chửi mắng, xúc phạm lẫn nhau. Từ ngày 26 tháng 4 năm 2018 cho đến nay chị H và anh B sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn B.

Về con chung: Chị Mai Thị H khai vợ chồng có một con chung, cháu tên là Bùi Nguyễn T, sinh ngày 01/01/2017. Hiện nay cháu T đang ở với chị H. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Mai Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 31/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Văn B trình bày: Anh và chị Mai Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa ngày 23/6/2016. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế gia đình. Ngày 26/4/2018 chị H tự ý bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã HT, huyện HH sinh sống đến nay mà không có lý do. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh B hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Anh Bùi Văn B khai vợ chồng có một con chung, cháu tên là Bùi Nguyễn T, sinh ngày 01/01/2017, hiện tại cháu T đang ở với chị H. Nếu vợ chồng ly hôn, anh B đề nghị được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, anh B trình bày hiện nay anh đang làm nghề lái máy xúc thu nhập mỗi tháng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh B giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Chị Mai Thị H và anh Bùi Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên mắng chửi, xúc phạm nhau. Đến tháng 4/2018 chị H và anh B sống ly thân cho đến nay. Nay chị H yêu cầu giải quyết ly hôn, anh B hoàn toàn đồng ý, cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2]. Về con chung: Chị H và anh B đều thừa nhận vợ chồng có một con chung, cháu tên là cháu Bùi Nguyễn T, sinh ngày 01/01/2017. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định cháu T là con chung của chị H và anh B. Nguyên vọng được nuôi con của chị H và anh B là chính đáng, thể hiện tinh thần trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Tuy nhiên, cháu T đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chưa đủ 36 tháng tuổi, chị H và anh B

lại không có thỏa thuận khác. Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Vì vậy, giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi là phù hợp. Mức cấp dưỡng chị H yêu cầu là phù hợp với điều kiện chăm sóc, học tập của cháu ở địa phương nên được chấp nhận toàn bộ.

[3]. Về tài sản: Chị H và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về án phí: Chị Mai Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, anh Bùi Văn B chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị H và anh Bùi Văn B.

2. Về con chung: Công nhận chị Mai Thị H và anh Bùi Văn B có một con chung, cháu tên là Bùi Nguyễn T, sinh ngày 01/01/2017. Giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 7/2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh B có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành án phần cấp dưỡng nuôi con, nếu chưa thi hành án, anh B còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Mai Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000212 ngày 18/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Bùi Văn B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh B có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lê Văn Hồng